

**ÁP LỰC CHỐT LỜI TRONG NGẮN HẠN**

## Quốc tế

- Phố Wall ghi nhận diễn biến tăng điểm trong phiên giao dịch ngày 7/11. Chỉ số Dow Jones tăng 56,74 điểm (+0,17%), chỉ số NASDAQ tăng 121,08 điểm (+0,9%) và chỉ số S&P 500 tăng 12,38 điểm (+0,28%). Chứng khoán Mỹ giữ đà tăng điểm sau khi lợi suất trái phiếu và giá dầu hạ nhiệt, ghi nhận đợt bút phá dài nhất kể từ tháng 7/2023.
- Chứng khoán châu Âu có diễn biến giảm điểm trong ngày giao dịch 7/11. Chỉ số FTSE 100 (Anh) giảm 7,72 điểm (-0,1%), CAC 40 (Pháp) giảm 26,82 điểm (-0,38%). Thị trường chứng khoán tại các nước Đông Nam Á ghi nhận diễn biến giảm điểm trong phiên giao dịch 7/11.
- Giá dầu WTI giảm 4,27% và dầu Brent giảm 4,19% trong phiên giao dịch ngày 7/11. Bên cạnh đó, giá Vàng cũng ghi nhận diễn biến giảm.
- Trung Quốc đã trở thành quốc gia thu hồi nợ lớn nhất thế giới khi số tiền các nước đang phát triển nợ họ đã tăng lên khoảng từ 1,1 nghìn tỷ USD - 1,5 nghìn tỷ USD.
- Số lượng doanh nghiệp Mỹ phá sản đang tăng với tốc độ nhanh nhất kể từ năm 2010 (không tính thời kỳ Covid-19) và nhiều gấp đôi so với con số vào cùng thời điểm này năm 2022.

## Nhận định thị trường

- Đóng cửa ngày 7/11, Vnindex giảm 9,37 điểm, đóng cửa tại 1.080,29 điểm, khối lượng giao dịch đạt hơn 634 nghìn đơn vị, tương ứng 12.599 tỷ đồng. Trong ngắn hạn, chỉ số VN-Index đang duy trì diễn biến cải thiện khả quan mặc dù đang có dấu hiệu chững lại trước áp lực bán lớn tiệm cận ngưỡng kháng cự 1.094 – 1.095 điểm. Thanh khoản ghi nhận suy giảm trở lại phản ánh sự thận trọng của dòng tiền tham gia vào thị trường.
- Chiến lược giao dịch:** NĐT được khuyến nghị duy trì tỷ trọng và đưa danh mục về tỷ lệ nắm giữ cp/tiền mặt **50/50** trong bối cảnh các diễn biến hồi phục và cải thiện của chỉ số Vn-Index; và/hoặc có thể tăng tỷ trọng danh mục cp/tiền mặt lên **70/30** nếu chỉ số vượt ngưỡng kháng cự ngắn hạn **1.094 – 1.095** điểm, hướng về vùng kháng cự **1.12x – 1.13x** điểm. Ở chiều ngược lại, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng trong các phiên giao dịch tới và chỉ số VN-Index để mất ngưỡng **1.070** điểm, NĐT có thể cân nhắc hạ tỷ trọng danh mục về tỷ trọng cp/tiền mặt là **30/70**, chờ đợi chỉ số kiểm tra lại ngưỡng điểm tạo đáy **1.020** điểm. Nhóm các cổ phiếu chờ mua: **VND DGC HSG HPG PC1 HAH VIB.**

## Trong nước

- Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng với giá trị 262,95 tỷ, tập trung ở các cổ phiếu MWG, VRE, FUSSVF. Tự doanh mua ròng 28,34 tỷ, tập trung ở các cổ phiếu FUSSVFL, FUEVFN, CSTB2303.
- Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển ước đạt 624 triệu tấn, tăng 3% so với cùng kỳ trong 10 tháng đầu năm 2023.

## Doanh nghiệp

-  DPM: Lượng tiêu thụ phân bón Phú Mỹ tăng 12% so với cùng kỳ
-  ACB: Trong 9 tháng đầu năm, lợi nhuận sau thuế của ngân hàng ACB vượt mốc 10.000 tỷ đồng nhưng nợ xấu lại có tốc độ tăng mạnh gần gấp 7 lần lợi nhuận
-  SZC: Công ty CP Sonadezi Châu Đức vừa công bố kết quả kinh doanh quý 3/2023 với lợi nhuận lũy kế tăng ấn tượng 136%
-  CMG: Phát hành gần 40 triệu cổ phiếu trả cổ tức và thưởng khi thị giá hồi phục
-  VND: Nhân dịp kỷ niệm sinh nhật 17 năm, Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT công bố định vị mới về thông điệp thương hiệu VNDIRECT.
-  IMP: Imexpharm muốn hủy phát hành ESOP thay bằng thưởng 200 tỷ cho cán bộ chủ chốt, đề cử thành viên HĐQT Novaland vào HĐQT
-  THD: Thaiholdings thu về 200 tỷ từ thoái vốn công ty sở hữu 'đất vàng' 11A Cát Linh sau vụ Tân Hoàng Minh
-  VNM: Vinamilk gây bất ngờ khi báo cáo doanh thu thuần quý III tăng 5% so với cùng kỳ năm 2022 ở mảng xuất khẩu
-  VHC: Ủy ban Chứng khoán không chấp nhận lý do chậm nộp BCTC của Thủy sản Vĩnh Hoàn
-  PVT: Tiếp nhận thêm 3 tàu đóng mới tại Hàn Quốc và Nhật Bản

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

CHỈ SỐ	7/11/2023	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% YTD	% Năm
VN INDEX	1080,29	-0,86%	5,07%	-4,28%	7,27%	10,05%
HNX30 INDEX	446,54	-0,91%	10,25%	-7,00%	34,87%	37,12%
VN30 INDEX	1092,71	-0,98%	5,13%	-4,13%	8,71%	11,49%
S&P 500	4378,38	0,28%	4,40%	1,62%	14,04%	15,01%
Dow Jones	34152,6	0,17%	3,33%	2,23%	3,03%	4,04%
Nasdaq	13639,86	0,90%	6,14%	1,55%	30,32%	29,11%
Shanghai Composite	3057,27	-0,04%	1,28%	-1,71%	-1,04%	-0,24%
Nikkei 225	32374,26	0,32%	4,91%	4,45%	24,07%	16,15%
Thailand SET	1408,3	-0,63%	1,92%	-2,10%	-15,60%	-13,74%
Malaysia	1463,37	-0,09%	1,95%	3,28%	-2,15%	1,53%
Philippine	6131,32	0,88%	1,87%	-2,05%	-6,63%	-2,51%
Indonesia JCI	6843,79	-0,51%	1,36%	-0,65%	-0,10%	-2,93%
FTSE 100	7410,04	-0,10%	1,21%	-1,13%	-0,56%	1,42%
DAX	15152,64	0,11%	2,31%	-0,51%	8,83%	10,69%
CAC 40	6986,23	-0,39%	1,46%	-1,05%	7,92%	8,46%

Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities

# BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ DXY VÀ SỰ TƯƠNG QUAN VỚI DOW JONES



# BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU MỸ 10 NĂM VÀ SỰ TƯƠNG QUAN VỚI DOW JONES



## CẬP NHẬT GIAO DỊCH QUỸ ETF

Name	1D Flow	1W Flow	1M Flow	YTD Flow	1Y Flow	3Y Flow
Median	0	0	0	-0,12	1,78	1,85
Fubon FTSE Vietnam ETF	3,27	38,58	72,77	67,76	271,13	788,3
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	0	0	2,66	-23,85	59,17	-62,88
Premia MSCI Vietnam ETF	0	0	0	-0,59	-2,09	-1,76
CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	0	0	0	-2,38	-2,38	-2,38
KIM KINDEX Vietnam VN30 Futures Leverage ETF H	0	0	0	-0,41	0,12	-8,34
Premia MSCI Vietnam ETF	0	0	0	-0,59	-2,09	-1,76
Asian Growth CUBS ETF	0	7,76	-2,33	-49,42	-29,32	-143,11
DCVFMVN30 ETF Fund	0	0,19	1,77	2,86	2,86	2,86
DCVFMVN Mid Cap ETF	0	0	0	0	0	0
KIM Growth VN30 ETF	0	0	0,31	7,11	9,86	24,15
KIM Growth VNFINSELECT ETF	0	0	0	8,75	8,75	8,75
SSIAM VN30 ETF	0	0	0,81	1,78	1,78	1,85
SSIAM VNX50 ETF	0	0,06	0,19	-0,12	-3,9	-1,52
SSIAM VNFIN LEAD ETF	0	-1,23	-7,61	-29,6	-16,1	43,23
DCVFMVN Diamond ETF	0	-0,38	-24,55	-92,69	10,85	362,54
Global X MSCI Vietnam ETF	0	0	0	6,12	7,35	11,2
VanEck Vietnam ETF	0	0	-2,36	-2,36	-2,36	-2,36

## TOP CỔ PHIẾU TĂNG – GIẢM GIÁ

**Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày**

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
CLW	28.950	100	6,83%
SCD	16.200	200	6,58%
SFC	19.700	1.802	6,49%
MDG	14.800	4.426	6,47%
FDC	11.650	1.400	6,39%
HRC	53.100	300	4,12%
CTD	61.100	3.658.290	4,09%
HTI	16.700	100	4,05%
PIT	8.000	11.031	3,90%
BIC	25.600	165.118	3,85%

**HNX: Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày**

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
SDG	27.500	1.500	10,00%
TTH	4.400	1.372.162	10,00%
PVB	21.000	907.851	9,95%
HCT	11.100	400	9,90%
VTC	11.100	14.503	9,90%
VC7	14.500	238.103	9,85%
NHC	35.800	100	9,82%
BAX	48.400	104	9,75%
PCG	6.900	100	9,52%
PRC	20.700	29.005	9,52%

**HSX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày**

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
SRC	27.350	3.064	-6,97%
PDN	105.800	502	-6,95%
ABR	16.200	3.091	-6,90%
DTA	5.870	44.510	-6,83%
SJF	1.940	361.940	-6,73%
CMV	9.250	702	-6,47%
CCI	20.400	607	-6,21%
VPD	22.000	1.400	-6,18%
VAF	10.900	3.800	-6,03%
SPM	11.700	1.220	-6,02%

**HNX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày**

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
VLA	22.600	1.400	-9,96%
TJC	15.400	100	-9,94%
DAE	15.500	2.900	-9,88%
PGT	2.900	1.432	-9,38%
VCM	16.700	8.600	-9,24%
CMS	20.800	544.841	-9,17%
VC6	13.100	1.143	-9,03%
THB	8.100	100	-8,99%
X20	8.100	4.800	-8,99%
MEL	6.200	400	-8,82%



## GIAO DỊCH CỦA KHỐI NGOẠI

### HSX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	HPG	95.128	MWG	120.819
2	DGC	40.396	VRE	92.404
3	VND	28.904	FUESSVFL	60.968
4	PC1	20.389	HDB	34.459
5	STB	17.383	MSN	34.275
6	BSI	11.000	VHM	32.003
7	VCI	10.965	OCB	20.700
8	KBC	10.617	VJC	18.597
9	FTS	8.505	VNM	15.016
10	BID	7.724	VPB	14.546

### HNX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	SHS	45.479	MBS	911
2	IDC	6.292	BVS	763
3	CEO	2.375	VCS	631
4	PVS	1.696	TIG	295
5	PVI	900	TNG	203
6	PLC	816	NVB	159
7	HUT	431	PMC	90
8	SLS	349	IDV	86
9	GKM	280	VTC	76
10	VGS	243	THD	59

# CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Mặt hàng	Đơn vị	7/11/2023	%Ngày	% 5 ngày	%Tháng	CP liên quan đầu vào	CP liên quan đầu ra
Oil WTI	USD/bbl.	77,37	-4,27%	-4,35%	-7,07%	PVT	GAS, BSR
Oil Brent	USD/bbl.	81,61	-4,19%	-6,64%	-3,51%	PVT	GAS, BSR
Thép thanh	CNY/MT	3799	-0,31%	0,94%	2,08%		HPG
Nhôm	USD/MT	2253	-0,87%	0,19%	1,90%		
Đồng	USd/lb.	367,9	-1,08%	0,85%	1,45%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Than	USD/MT	120,1	0,92%	-0,83%	-13,29%		
Đường	USd/lb.	27,59	-1,29%	1,85%	3,18%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS
Ngô	USd/bu.	468,5	-1,83%	-2,14%	-4,78%		
Gas	USD/MMBtu	3,14	-3,80%	-8,82%	-4,55%		
Sữa	USD/cwt	17,06	-0,64%	-1,10%	1,13%	KDC	VNM, QNS
Vàng	USD/t oz.	1973,5	-0,76%	-0,67%	6,99%		PNJ
Bạc	USD/t oz.	22,589	-2,78%	-0,50%	4,38%		PNJ
Lúa Mỳ	USd/bu.	570,25	-0,96%	2,52%	0,35%		
Thịt lợn	USd/lb.	72,9	0,69%	1,64%	-11,45%		
Thép HRC	CNY/MT	3904	-0,15%	1,30%	0,49%		HPG

## THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng VietinBank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities).

Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của VietinBank Securities.

***Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này!***